

BẢO KIỂM

寶劍

Nguyễn Duy Chính

LỜI MỞ ĐẦU

Một trong những yếu tố thú vị của truyện kiếm hiệp là khí giới của những nhân vật chính. Bên cạnh võ công siêu tuyệt, thường thường một nhân vật hữu danh luôn luôn gắn liền với một món bảo cụ, mà thông dụng nhất là bảo đao, bảo kiếm. Võ khí tùy thân đó tạo cho nhân vật một đặc tính hơn người, và luôn luôn kỳ bí, khác thường, đôi khi huyền hoặc.

Lỗ Tấn (1881-1936), một văn sĩ vào bậc nhất của Trung Hoa hồi đầu thế kỷ này, nổi tiếng về những truyện ngắn, tiêu biểu là *Ả Q Chính Truyện*, một tác phẩm mà nhiều người chúng ta biết đến. Trong một truyện khác, ông dựa theo những truyền kỳ của dân tộc Trung Hoa để miêu tả một hình thức áp bức rất ư là phong kiến – tác giả một tác phẩm tuyệt hảo có khi lại chính là nạn nhân của nó, nếu người ta không muốn người khác có một tác phẩm như mình thì cái kế sách thường dùng là thủ tiêu luôn tác giả để không còn người nào có thể hoàn thành một tác phẩm tương tự. Sau đây là một đoạn trích trong truyện “*Rèn Kiếm*”:

... Thằng bé bước tới gần. Trong ánh trăng mờ ảo nó thấy mẹ nó ngồi trên giường, đôi mắt lấp lánh. Bà nghiêm giọng:

- Nghe đây. Cha con là một người rèn kiếm nổi tiếng, có một không hai trên đời này. Mẹ bán hết đồ nghề của cha con để khỏi chết đói nên không còn gì cho con xem nữa. Thế nhưng phải nói là cha con là người rèn kiếm không ai bì kịp. Hai mươi năm trước, bà thứ phi hạ sinh ra một cục thép, mà người ta nói là bà ta thụ thai khi ôm một cái cột sắt. Cục sắt đó, thuần khiết, trong suốt. Nhà vua biết rằng cục sắt này hiếm quý, nên muốn đánh thành một thanh kiếm để tùy thân, bảo vệ bờ cõi, và tiêu diệt kẻ thù. Khó thay, cha con lại được chỉ định để làm việc ấy, và chính ông đã hai tay bưng cục sắt đó về. Ba năm ròng rã, ông rèn cục sắt ngày đêm, đến khi hoàn thành được hai thanh kiếm.

Thật là kinh hoàng khi cha con mở cái lò ra. Một làn hơi trắng bay vút lên trời, và mặt đất rung chuyển. Làn hơi trắng tụ lại thành một đám mây, chuyển thành màu đỏ tươi và phủ lên mọi vật một màu hồng nhạt. Trong chiếc lò đen ngòm là hai thanh kiếm còn nóng đỏ. Trong khi cha con tưới lên từng giọt nước, hai thanh kiếm rút lên những tiếng xì xì rồi chuyển sang màu xanh. Bấy ngày, bấy đêm sau, hai thanh kiếm không còn thấy dấu nữa. Thế nhưng nhìn kỹ, hai thanh kiếm vẫn còn đỏ, đã chuyển sang màu xanh biếc và trong suốt như hai cục băng.

Cha con mắt sáng lên mừng rỡ bội phần. Nhặt hai thanh kiếm lên, ông vuốt ve rồi múa thử. Thế nhưng chỉ trong giây lát, văng trán ông và trên khóe miệng đượm một nỗi buồn. Ông bỏ kiếm vào trong hộp rồi nói nhỏ với mẹ:

- Ai ai cũng biết là kiếm đã đúc xong khi chứng kiến những chuyện kỳ quái mấy ngày qua. Ngày mai ta phải đem dâng lên đại vương một thanh kiếm. Nhưng đó cũng là ngày cuối cùng của đời ta, e rằng vợ chồng mình không còn gặp lại nhau nữa.

Mẹ hoảng hốt, không hiểu cha con nói gì, cũng không biết phải trả lời sao. Mẹ lấp bắp: “Nhưng chàng đã hoàn thành công việc rồi mà”.

- A, nàng không hiểu. Vương gia vốn đa nghi và tàn nhẫn. Bấy giờ hai thanh kiếm đã đúc xong, thế nào ta cũng sẽ bị giết để sau này ta không thể đúc một thanh kiếm khác cho kẻ đối đầu hay kẻ nào muốn hơn được nhà vua.

Mẹ òa lên khóc. Cha con nói:

- Thôi đừng buồn. Không còn cách nào khác, nước mắt không thay đổi được số mệnh. Ta cũng đã chuẩn bị chuyện này từ lâu.

Mắt ông như bình lửa khi đặt vào lòng ta một cái bao kiếm.

- Đây là thanh hùng kiếm. Nàng giữ lấy. Ngày mai ta sẽ mang dâng thanh thu kiếm lên đại vương. Nếu ta không về thì có nghĩa là ta đã chết. Chỉ năm sáu tháng nữa là nàng sẽ nằm bếp rồi ư? Đừng buồn, cố nuôi con khôn lớn. Bao giờ nó trưởng thành thì giao cho nó thanh kiếm này và bảo nó đi chém đầu gã hôn quân để trả thù cho ta.¹

Câu chuyện này dựa theo một truyền thuyết, được dùng làm bối cảnh cho một câu truyện ly kỳ về một đứa bé trả thù cho cha. Thế nhưng, người ta ít nhiều vẫn thường nghe về những huyền bí, kỳ ảo mà người Trung Hoa gán cho những thanh kiếm báu. Thanh kiếm không còn là một món vũ khí tùy thân, đôi khi nó trở thành một sinh vật, và một sinh vật luôn luôn có hồn, thiêng liêng, nhất là lại được sử dụng để sát hại người khác. Chính vì thế thanh kiếm được coi như một phần thân thể của kiếm khách, là một bạn đồng hành hơn là một món vũ khí vô tri.

¹ Lỗ Tấn: *Selected Stories of Lu Hsun*, "Forging the Swords" tr. 239-40

BẢO KIỂM VÀ TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP

Những thanh bảo kiếm đầu tiên mà tôi đọc lại do một tác giả Việt Nam, viết dựa theo truyền thuyết Trung Hoa. Truyện có nhan đề “Đào Mã Tàn Thủy Hoàng” của nhà văn Thái Tâm Canh, đăng trên nhật báo Saigon Mai vào khoảng đầu thập niên 1960. Bộ tiểu thuyết võ hiệp này viết về mưu đồ của một nhóm ái quốc nước Hàn muốn nổi lên chống lại nhà Tần và tìm cách lấy những báu vật trong ngôi mộ hết sức vĩ đại và nguy hiểm của bạo chúa. Đứng đầu của nhóm người này là Trương Lương, dưới trướng có những hiệp khách võ công trác tuyệt. Ngoài những tình tiết hết sức ly kỳ, những mối tình một chiều chạy vòng quanh, có những món bảo vật làm mục tiêu tranh đoạt của nhiều hiệp khách. Đặc sắc nhất là những thanh bảo kiếm gia truyền của mỗi giòng họ. Thanh Chủy Thủ của dòng họ La, thanh Trạch Lư của dòng họ Chương. Ngoài ra còn phải kể đến thanh Thái A, là bội kiếm của nhà vua đã cỡi ra để trấn sơn khi lên núi Trâu Tịch tế trời đất, mà nhóm họ Trương nhất quyết chiếm đoạt để tạo sự bất an trong tâm lý triều đình nhà Tần. Những thanh kiếm đó đều là những bảo vật được ghi trong sử sách.

Trong truyện kiếm hiệp tân thời, chúng ta cũng gặp những thanh bảo đao, bảo kiếm được mô tả rất thần kỳ. Ý Thiên Đồ Long Ký,² tác phẩm nổi tiếng của Kim Dung xoay quanh hai món bảo vật, kiếm Ý Thiên và đao Đồ Long. Ông đã viết một đoạn rất linh động về sự xuất hiện của thanh đao khi giáo phái Thiên Ưng tụ họp quần hào “Đương Đao Lập Uy” tại một hòn đảo hoang có tên là Vương Bàn Sơn:

... Bạch Qui Thọ đứng lên, lớn tiếng nói:

- Tệ giáo gần đây mới có được một thanh bảo đao, tên gọi Đồ Long. Thường nghe rằng “Võ Lâm Chí Tôn, Bảo Đao Đồ Long, Hiệu Lệnh Thiên Hạ, Mạc Cầm Bất Tòng”.³

Y nói đến đây, đưa đôi mắt sáng quắc quét từ tả qua hữu khắp một lượt toàn trường. Thân hình y không to lớn, nhưng tiếng nói oang oang, mục quang sắc bén, khiến cái uy nghiêm làm mọi người đều e sợ. Y ngừng lại một chút, nói tiếp:

- Ân giáo chủ của tệ giáo muốn gửi danh thiệp mời các lộ anh hùng trong thiên hạ tới núi Thiên Ưng, để đem bảo đao cho mọi người cùng xem. Ngặt vì làm như thế phải trừ hoạch mất nhiều thời gian cho chu đáo, lại e rằng anh hùng các nơi không biết bảo đao đã do tệ giáo làm chủ, nên mời bạn bè bằng hữu các bang lộ Giang Nam tới chơi, để nhìn qua cho biết.

Nói tới đây, y giơ tay khoát một cái. Tám tên đệ tử trong số giáo chúng lớn tiếng đáp ứng, quay mình đi vào một sơn động ở phía tây.

Mọi người yên chí là tám tên này sẽ vào trong hang núi để đem đao ra, nên đều chăm chú nhìn theo. Nào ngờ khi trở ra bọn họ đều cỡi trần, khiêng một cái đỉnh sắt lớn. Trong đỉnh một ngọn lửa cháy bùng bùng, lên cao cả trượng. Cả tám tên đều phải đứng khá xa, dùng gậy dài ghé vai khiêng, thờ phì phò, ỳ ạch để chiếc đỉnh trên bãi đất trống. Mọi người bị lửa hắt vào mặt, đều cảm thấy nóng rát. Đằng sau tám tên này lại có thêm bốn tên khác, hai tên khiêng một chiếc đê thợ rèn, hai tên khác mỗi tên mang một cái búa sắt.

Bạch Qui Thọ nói:

- Thường đàn chủ, xin mời dương đao lập uy.

Thường Kim Bằng đáp:

- Tuân lệnh.

² Hongkong: Minh Hà, 1978

³ thanh đao Đồ Long là vật cao quý nhất trong võ lâm, hiệu lệnh thiên hạ, không ai dám không theo

Rồi quay lại nói lớn:

- Mang đao ra.

Hai tên đà chủ có thần lực, mới vừa biểu diễn vác đá liền đi vào sơn động. Khi trở ra, một tên hai tay bưng một cái bao dài, tên kia đi theo hộ vệ. Giao cho Thường Kim Bằng xong, mỗi tên bước qua một bên tùy giá. Thường Kim Bằng mở bao, lộ ra một thanh đơn đao. Y cầm lên, nhìn quanh mọi người một lần, rút đao ra khỏi vỏ, nói:

- Đây chính là võ lâm chí tôn Đồ Long bảo đao, xin các vị nhìn cho kỹ.

Nói xong y đưa thanh đao lên ngang mặt, cử chỉ thật cung kính.

Quần hào nghe tiếng Đồ Long bảo đao đã lâu, nhưng chỉ thấy cái đao đó đen biếc không đẹp tí nào, trong lòng không khỏi hồ nghi: “Ai biết thanh đao này thật hay giả?”.

Chỉ thấy Thường Kim Bằng từ từ giao thanh đao cho tên đà chủ ở phía bên trái, nói:

- Thử búa đi!

Tên đà chủ nhận lấy đơn đao, để lên trên cái đe, lưỡi hướng lên trời. Tên kia cầm cái búa lên, nhắm ngay lưỡi đao giáng xuống. Chỉ nghe thấy một tiếng keng nhỏ, đầu cái búa đã bị cắt ra làm hai, một nửa còn dính vào cán, một nửa rơi xuống đất. Quần hào ai nấy kinh hãi, đứng bật cả lên, thầm nghĩ: “Bảo kiếm, lợi đao có thể cắt vàng chặt ngọc dầu có ít thấy, nhưng không phải là không có. Thế nhưng thanh Đồ Long đao này cắt cái búa sắt như cắt miếng đậu phụ, ngay tiếng đinh đang cũng không nghe, nếu không phải là thần vật thì cũng có điều gì man trá”.

Trong đám Thần Quyền Môn và Cự Kinh Bang có một người đi đến bên cái đe sắt, xem xét nửa cái búa, thấy vết cắt phẳng lì lấp lánh sáng choang, quả thực vừa mới đứt xong.

Gã thần lực đà chủ lại cầm một mảnh búa lên đập vào thanh đao, cục sắt lại đứt đôi một cách dễ dàng. Lần này quần hào ai nấy đều lớn tiếng hoan hô. Trương Thúy Sơn nghĩ thầm:

- Đao báu như thế, quả thực là nghe chưa nghe tới, nhìn chưa nhìn thấy bao giờ.

Thường Kim Bằng chậm rãi bước tới bãi đất, cầm bảo đao lên, sử một chiêu “Thượng Bộ Phách Sơn”, chỉ nghe soẹt một tiếng nhỏ, chém cái đe sắt đứt ra làm đôi. Đột nhiên y lướt qua bên trái, vút một cái, chém ngang thân một cây tùng lớn. Thế rồi y tiếp tục nhảy qua chạy lại, vung đao liên tiếp múa may, chém đủ mười tám cây cổ tùng. Quần hào thấy y vũ động bảo đao, nhưng những cây đó vẫn còn nguyên vẹn, đang lấy làm khó hiểu, bỗng nghe Thường Kim Bằng cười một tiếng dài, đi đến cây tùng thứ nhất, phát tay áo một cái, đánh vào giữa thân cây. Chỉ nghe những tiếng lách cách, cây tùng đã đổ xuống bên ngoài. Hóa ra cây tùng này đã bị bảo đao chém đứt đôi, nhưng chỉ vì đao quá bén, Thường Kim Bằng sử lực lại thật chuẩn xác, tuy nửa thân trên đã đứt đoạn, nhưng vẫn còn nằm trên cây. Chỉ đến khi có ngoại lực suy động, lúc ấy mới đổ. Cây tùng thứ nhất đổ làm thành một làn gió mạnh, chỉ nghe liên tiếp những tiếng lách cách, lách cách không dứt, những cây đại thụ còn lại cũng thi nhau ngã xuống.

Thường Kim Bằng cười ha hả, vung thanh đao ném thẳng vào đám lửa đang bùng bùng cháy trong đỉnh sắt ...

4

⁴ Kim Dung: Ý Thiên Đồ Long Ký tập 1, tr. 186-8 (bản dịch Nguyễn Duy Chính)

LỊCH SỬ

Theo lịch sử, thời Xuân Thu Chiến Quốc, chiến tranh liên tục mấy trăm năm, những tiểu quốc đều phải đặt nặng vấn đề bố phòng chiến đấu. Khoa học quân sự phát triển cũng chính vì liên quan trực tiếp đến sự sống còn của một quốc gia. Trong khi những nước ở mạn bắc và mạn tây nước Tàu chú trọng đến chiến xa do ngựa kéo để di động nhanh trong những vùng thảo nguyên và sa mạc, thì những nước tại đồng bằng lại chú trọng đến phòng thủ, bộ binh và vũ khí ngắn để chiến đấu trong những vùng núi rừng và trên sông rạch. Tại những nước như Mân, Việt, Ngô vai trò của bộ binh ngày càng quan trọng. Ngược lại, tại các nước ở mạn bắc và tây như Thục, Tần, Ngụy, Triệu thì kỵ binh vẫn là chính. Chính vì cận chiến trở nên một vấn đề sinh tử, binh khí cần ngắn và nhẹ để dễ mang theo, lại cần sắc bén và tiện dụng. Kiếm chính là loại vũ khí có đủ các ưu điểm đó. Vì thế hai nước đặt nặng việc chế tạo binh khí cho bộ binh là Ngô và Việt, là những nước ở khu vực đồng bằng. Cho đến nay, địa khu của hai nước này vẫn là nơi đào thấy nhiều binh khí nhất. Những truyện truyền kỳ cũng phát xuất từ đây. Kỹ thuật đúc kiếm bằng đồng xanh (thanh đồng kiếm) vẫn được truyền tụng tới nay. Ngoài binh khí, kỹ thuật chiến đấu và tổ chức binh bị cũng phát triển. Người ta đã biết làm nỏ, kể cả liên châu tuy công kình hơn cung nhưng có thể để một chỗ mà ngự địch. Cung dùng cho kỵ binh nên phải gọn nhẹ, trong khi nỏ là một loại cung dương sẵn, bao gồm cả việc phóng tên ra lẫn kỹ thuật làm lẫy (thường là kim loại nên việc rèn đúc phải đạt tới một trình độ khá cao mới có được, truyện nỏ thần của ta cũng nói lên dân Việt đã biết áp dụng kỹ thuật đúc đồng vào việc chế tạo vũ khí).

Trong Khảo Công Ký (考工記), có chép:

Ngô Việt chi kiếm, thiên hồ kỳ địa nhi phát năng lương.

吳粵之劍遷乎其地而弗能良

(Kiếm ở đất Ngô và đất Việt không những chỗ nào cũng có mà lại tốt)

Cuối đời Chiến Quốc, người Trung Hoa đã phát triển việc khai thác quặng mỏ, phối hợp việc đúc đồng với đúc sắt và việc sử dụng vũ khí đã khá phức tạp. Nhiều lò đúc mướn đến hơn 200 công nhân và nhiều người trong kỹ nghệ này trở nên giàu có lớn, đóng một vai trò quan trọng trong xã hội.⁵

Tuy nhiên kỹ thuật đúc đồng đúc sắt của người Trung Hoa đã có từ trước thời Xuân Thu Chiến Quốc. Cứ theo những khí cụ khai quật được, và tài liệu còn ghi chép trong sử sách, việc đúc đồng có từ thời nhà Ân, Thương. Hiện nay trong viện bảo tàng của Trung Hoa và nhiều nước khác còn trưng bày những đồ đồng từ thời kỳ này. Đầu thế kỷ XX, khi khai quật những cổ tích vùng An Dương, người ta đã tìm thấy những phường đúc, và nhờ đó biết được một số kỹ thuật đúc đồng thời kỳ ấy. Theo những di chỉ, hơn 2000 năm trước, người Trung Hoa đã đúc được những khí vật rất tinh xảo, và có thể nói là nhất thế giới. Từ kỹ thuật đúc đồng, người Tàu đã tiến sang kỹ thuật đúc các kim loại khác, nhất là sắt. Việc đúc các khí cụ bằng sắt một cách qui mô đã trở nên một kỹ nghệ quan trọng của Trung Hoa hồi thế kỷ thứ IV trước Tây Lịch.⁶

Trong khi nhiều dân tộc khác phải mất một thời gian dài, có khi hàng mấy nghìn năm cách khoảng giữa thời điểm tìm ra sắt đến khi biết cách đúc và rèn kim loại thì người Tàu gần như không bị trở ngại đó. Không những họ nắm vững kỹ thuật nấu và đúc bằng khuôn, mà còn biết cách pha các kim loại, thêm hay bớt carbon để có những loại thép có độ cứng khác nhau, đồng thời lại tìm cách giảm thiểu cái bất lợi của chất thép khi quá nhiều than để thành gang tuy cứng nhưng hóa giòn. Theo những khai quật mới đây ở Giang Tô (Trình Kiều), người ta

⁵ Patricia B. Ebrey: *Illustrated History China*, tr. 41

⁶ Jacques Gernet: *A History of Chinese Civilization*, tr. 28

đã đào được một khối gang từ cuối thời Xuân Thu, tính ra người Trung Hoa đi sớm hơn các dân tộc Âu Châu đến gần 2000 năm, mặc dầu người Âu biết dùng sắt trước.⁷

Cứ theo truyền thuyết, kiếm có từ thời nhà Chu, đến đời Xuân Thu Chiến Quốc thì cực thịnh. Thời này là giai đoạn mà người Tàu mới tìm ra sắt, lại thêm một số kỹ thuật mới được dùng trong việc luyện kim nên khí cụ thời đó cứng hơn đồ đồng đời Thương Chu, thành thử nhiều kiếm đúc vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc được xưng là bảo kiếm. Những dật sự hoang đường cũng từ đó mà nảy sinh. Đời Tiên Tần, kiếm không những là một loại vũ khí tùy thân còn là một loại trang sức. Ngô Đạo Tử họa hình Khổng Tử, cũng có đeo trường kiếm. Sang đời Tần Hán, hiệp khách và giới sĩ đại phu đeo kiếm để thêm uy nghi. Vì thế món vũ khí này có một giá trị đặc biệt.

Kiếm vào thời đó ngắn hơn về sau. Người ta cho rằng vì kiếm làm bằng đồng và kỹ thuật luyện kim còn hạn chế nên nếu đúc kiếm dài sẽ dễ bị gãy, bị cong. Chỉ về sau, khi kiếm được đúc bằng thép, lưỡi kiếm mới mỏng và dài, mặc dù kiếm Tàu không dài và cong như kiếm Nhật. Kiếm thời đồng khí lưỡi ngắn như một con dao găm, có cán cũng ngắn, chưa được sử dụng để cầm mà chỉ để đeo vào ngang thắt lưng, và dần dần đến cuối thời đại đồ đồng mới thành cán kiếm. Cán kiếm thường có ngắn để cầm cho dễ và khỏi tuột. Càng về sau, lưỡi kiếm cũng dài mà cán cũng to thêm, lại có thêm kiếm cách (miếng chặn tay) chia đôi cán và lưỡi kiếm. Cán thường bằng gỗ hay sừng, cũng có khi nạm vàng bạc, ngọc ngà hoặc trạm trổ.

Đến đời Đường, tiêu chuẩn mới được định là từ 70 đến 85 cm. Kiếm lại còn phân biệt thư (mái), và hùng (trống). Hùng kiếm dài và lớn hơn thư kiếm. Bao kiếm thường đúc bằng đồng hay làm bằng da.

Theo Việt Tuyệt Thư, Ngoại Truyện Ký, mục Bảo Kiếm, về đời Xuân Thu, Âu Dã Tử (歐冶子) theo lệnh Việt Vương đúc năm thanh kiếm: Thuần Quân (純鈞), Trạ Lư (湛盧), Thắng Tà (勝邪 - Hào Tào), Ngư Trường (魚腸), Cự Khuyết (巨闕) đều là những thanh kiếm nổi danh gọt sắt như bùn (tức thiết như nê). Ba thanh Thuần Quân, Trạ Lư, Thắng Tà là kiếm lớn, hai thanh Ngư Trường, Cự Khuyết chỉ là đoản kiếm (chủy thủ).

Có người giỏi về coi kiếm là Tiết Chúc (薛燭) được Vương vời vào hỏi. Tiết Chúc mô tả là "*nhìn màu sắc đẹp đẽ như hoa phù dung mới nở, nhìn văn lý, sáng rực như sao băng, nhìn quang thái, dạt dào như nước sắp tràn bờ, nhìn chỗ đứt đoạn thì lờ mờ như đá nhọn, còn sắt thì lấp lánh như có hạt băng, nên gọi là Thuần Quân*". Sau Việt Vương phải đem cống cho Ngô Vương Hạp Lư ba thanh Thắng Tà, Ngư Trường, Trạ Lư. Thanh Ngư Trường có văn uốn khúc trông như ruột cá.⁸

Theo sách Ngô Địa Ký của Lục Quảng Vi đời Đường, học trò (và cũng là con rể) của Âu Dã Tử là Can Tương (có chỗ lại chép là Can Tương cùng học một thầy với Âu Dã Tử) phụng mệnh Ngô Vương Hạp Lư đúc kiếm, nung đã lâu mà kim loại không dung hợp được với nhau, sau cùng người vợ ông là Mạc Tà phải nhảy vào lò (để tế thần lửa) thì mới thành công. Hai thanh kiếm đúc thành, một dương một âm tên gọi Can Tương (干將), Mạc Tà (莫邪) là bảo kiếm nổi danh của nước Tàu. Âu Dã Tử và Can Tương còn phụng mệnh Sở Vương đúc ba thanh kiếm khác có tên Long Uyên⁹ (龍淵), Thái A (太阿), Công Bố (工布). Đặc biệt ba thanh kiếm này làm bằng sắt chứ không phải bằng đồng.¹⁰

Khi được ba thanh kiếm này, Sở Vương cao hứng mới hỏi:

⁷ Trung Quốc Địch Thế Giới Đệ Nhất, 1987, tr. 228

⁸ Dương Kim Đình: Trung Quốc Văn Hóa Sử Đại Từ Điển, tr. 297

⁹ đến đời Đường vì tên vua Cao tổ là Uyên nên phải kiêng, đổi thành Tuyên nên bảo kiếm đời sau cũng còn gọi là Long Tuyên chẳng hạn như trong bài Tuyệt Mệnh Thi của Nguyễn Trung Trực (Thư kiếm từng nhưng tự thiếu niên, Yêu gian đảm khí hữu Long Tuyên. Anh hùng nhược ngộ vô dung địa, Bão hận thâm cừ bất đái thiên. Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai, Phong trần hăng hái tuốt gươm mài. Anh hùng gặp phải hỏi không đất, Thù hận chan chan chẳng đội trời, Đông Hồ dịch)

¹⁰ Việt tuyệt thư – Ngoại truyện ký: Bảo kiếm

– *Làm thế nào để phân biệt thanh nào là Long Uyên, Thái A, Công Bố?*

Phong Hồ Tử (風胡子) đáp:

– *Muốn biết tại sao gọi là Long Uyên thì phải xem hình dáng của nó, chẳng khác gì lên núi cao hay đi xuống vực sâu. Muốn biết thanh Thái A thì phải xem chỗ lượn của nó, uyển chuyển ngoằn ngoèo như sóng biển, muốn biết thanh Công Bố thì vẫn chạy đến sóng kiếm thì dừng, cái nọ đề lên cái kia như nước chảy không dứt.*

Câu trả lời của Phong Hồ Tử là nói về đường chỉ trên các thanh kiếm, mỗi thanh một khác, tùy hình mà đặt tên.¹¹ Xem như thế, chúng ta có thể mừng tượng được rằng kỹ thuật đúc kiếm mà Âu Dã Tử sử dụng là ghép nhiều lớp thép, nhiều độ cứng khác nhau nên mới có những văn lý như thế.

Ngày nay ở Phúc Kiến còn ao Âu Dã, tương truyền là nơi Âu Dã Tử đúc kiếm.

Trong những năm gần đây, các nhà khảo cổ đã đào được nhiều món binh khí, trong đó có đồng kiếm, trên khắc tên vua Ngô và vua Việt là những người sử chép vốn thích sưu tầm bảo kiếm. Tại Sơn Tây, huyện Nguyên Bình, đào được kiếm của Ngô vương Quang, tại Tương Dương, Hồ Bắc đào được hai thanh kiếm của Ngô vương Phù Sai, tại Hoài Nam, An Huy, đào được kiếm của Thái Tử nước Ngô có tên là “Cô Phát Nhân Phản” (姑發閭反) kiếm. Về kiếm nước Việt, năm 1965 người ta đào được tại Giang Lăng, Hồ Bắc hai thanh kiếm hết sức đặc biệt, một thanh của Việt Vương Câu Tiễn (句踐), một thanh của Việt Vương Châu Câu (州句). Thanh kiếm của Việt Vương Câu Tiễn đào được tại một ngôi mộ tại Vọng Sơn còn nguyên như mới, rất sắc bén, đúc thật tinh xảo. Thanh kiếm này dài 55.7 cm, trên cán có những vết khắc. Kiếm cách (cái đai giữa lưỡi và chuôi kiếm), có hoa văn, nạm ngọc xanh lam. Lưỡi kiếm có khắc sọc hình quả trám, khắc 8 chữ lệ kiểu chân chim “Việt Vương Cựu Thiên Tự Tác Dụng Kiếm”¹² (越王鳩淺自作用劍).¹³

Thanh kiếm của Câu Tiễn không hoàn toàn thẳng mà gần cán bản rộng hơn. Đến khoảng 2/3 thì vuốt nhỏ lại, thuôn thuôn tới tận mũi. Nhìn hình dáng, thanh kiếm này quả rất mỹ thuật, sóng kiếm thẳng, và xem ra là một loại vũ khí được chế tạo tinh mỹ, tiện dụng trong chiến đấu. Thời Xuân Thu, kiếm chủ yếu dùng để đâm thẳng, không phải để chém. Thanh kiếm của Câu Tiễn đã nói lên được đặc trưng của thời đại này và cũng cho chúng ta thấy thợ đúc kiếm 25 thế kỷ trước đã có một trình độ cao. Năm 1973, thanh kiếm này và bộ y phục bằng những mảnh ngọc đính lại, dùng để quần xác một vương tử thời Tây Hán đã được trưng bày tại Nhật Bản.¹⁴ Cũng dịp này, Quách Mạt Nhược (郭沫若), một thi nhân nổi tiếng của Trung Hoa đã cảm khái một bài thơ như sau:

Việt Vương Câu Tiễn phá Ngô kiếm,

Chuyên lại dân công tự thác kim.

Ngân lũ ngọc y kim hựu thị,

Thiên thu bất hủ tượng nhân tâm.

越王句踐破吳劍

¹¹ Dương Kim Đình, sđd. tr. 296

¹² Cựu Thiên là chữ cổ, nay đọc là Câu Tiễn (kiếm của Việt vương Câu Tiễn tự làm lấy để dùng)

¹³ Dương Hoàng: *Văn Minh Dịch Quĩ Tích*, vol. 1, tr. 103

¹⁴ Kim Lũ Ngọc Y (金縷玉衣) là loại quần áo bao gồm nhiều mảnh ngọc đính với nhau để tầm liệm xác vua chúa, vương hầu đời Hán. Theo Lễ Nghi Chí trong Tục Hán Thư thì tùy theo đẳng cấp của người chết mà dùng chỉ bằng vàng, bằng bạc, hay bằng đồng. (Trung Quốc Văn Hoá Sử Đại Từ Điển tr. 122)

專賴民工字錯金
銀縷玉衣今又是
千秋不朽匠人心

Tạm dịch

Phá Ngô kiếm Việt chưa quên,

Cũng do công sức dân đen mới thành.

Áo ngọc chỉ bạc nay còn,

Nghìn năm không nát tấm lòng người xưa.

Bài thơ ám chỉ là tuy Câu Tiễn đề là “tự tác dụng kiếm” (tự rèn lấy mà dùng) nhưng thực ra là do công lao của người thợ rèn, cũng như chiếc áo ngọc kia, tuy cốt để bảo vệ cái thân thể của người quyền quý khỏi hủ nát, nhưng còn lại cũng chỉ là cái tấm lòng của người thợ thôi. Cũng nên biết rằng Quách Mạt Nhược là một thi sĩ tả phái, ông không khỏi có ý đề cao giới lao động trong một xu hướng chính trị.

Những binh khí chế tạo thời đó dĩ nhiên không phải chỉ bảo kiếm mà thôi. Năm 1983, tại Giang Lăng, người ta lại đào được một ngọn giáo (mâu) của Ngô Vương Phù Sai, về phẩm chất và mỹ thuật cũng tương tự như kiếm của Câu Tiễn. Mâu này dài 29.5 cm, có chuôi để tra vào cán, sông mâu có một rãnh dài, hai bên có khắc hình quả trám giống như Việt kiếm, cùng với hai hàng chữ gồm 8 chữ “*Ngô vương Phù Sai tự tác dụng tạc*”¹⁵ (吳王夫差自作用炸). Xem như thế, quả thực đời Xuân Thu Chiến quốc, đất Ngô Việt có kỹ thuật rèn đúc đồng sắt rất cao, và những truyền thuyết về bảo kiếm không phải hoàn toàn chỉ là huyền thoại.¹⁶

¹⁵ lưỡi giáo của Ngô vương Phù Sai tự đúc để dùng (nguyên chữ tạc viết bằng bộ kim, chúng tôi không có chữ này nên dùng bộ hỏa thay thế)

¹⁶ Dương Hoằng, sđd tr. 104

PHƯƠNG PHÁP

Đồ đồng của Trung Hoa là một hợp kim bao gồm đồng, kẽm và chì. Có khi họ còn pha cả vàng, bạc. Mỗi đời từ đời Thương (thế kỷ XVI-XI trước TL), sang đời Tây Chu (thế kỷ XI-VIII trước TL), Xuân Thu (770-476 trước TL), họ lại phát triển những phương thức khác nhau. Cuối đời Chiến Quốc, khi chuyển sang thời đại đồ sắt, họ đã trải qua hàng ngàn năm kinh nghiệm trong việc đúc đồ đồng, và áp dụng những kỹ thuật đó vào việc đúc đồ sắt.¹⁷ Việc tìm ra những loại kim khí mới cứng chắc hơn đồ đồng khiến cho họ càng cố công rèn đúc những loại binh khí sắc bén mà họ pha thêm những dật sự kỳ kỳ – khởi nguyên của những thanh bảo kiếm trong sử sách.

Vì sắt thép cứng chắc và cũng đàn hồi hơn đồng, kiếm thép đã có thể đúc dài hơn. Năm 218 trước TL, Trương Lương đã thuê người ám sát Tần Thủy Hoàng, sử dụng một cái chùy nặng tới 160 pounds. Nhiều ngôi chùa bằng sắt đúc cũng được xây, có bảo tháp cao đến 78 feet, chia thành nhiều tầng được đúc rời rồi đặt chồng lên nhau, đến nay vẫn còn. Võ Tắc Thiên, vào thế kỷ thứ VII đã cho xây một ngôi đền cao 294 feet, ba tầng, trên cùng để một con phượng hoàng bằng sắt, mạ vàng cao 10 feet. Bà cũng còn đúc một cột trấn thiên đường kính 12 feet, cao 105 feet, đặt trên một cái bệ hình bát giác, chu vi 170 feet, cao 20 feet. Trên cùng là một tàn mây cao 10 feet, chu vi 30 feet, bốn bên là 4 con rồng bằng đồng, mỗi con 12 feet. Tất cả đều bằng sắt và sách vở chép là lượng kim khí cả thảy 2 triệu lượng, khoảng chừng 1325 tấn. Tác phẩm đúc bằng sắt hiện nay còn tại Hồ Bắc là một con sư tử đời vua Thế Tông nhà Hậu Chu (954 sau TL) đúc kỷ niệm việc chinh phạt quân Liêu (Khiết Đan). Tượng này nặng 40 tấn, cao 20 feet, dài 16 feet, rỗng ruột, có bề dày từ 1.5 inch đến 8 inch.¹⁸

Kỹ thuật mỗi ngày một thêm phức tạp, do kinh nghiệm thực cũng có mà do tưởng tượng cũng có. Sách Thiên Công Khai Vật thời Minh phân chia nhiều phương pháp, nhiều kỹ thuật khác nhau trong việc rèn đúc đồ đồng sắt, bao gồm đúc đỉnh, đúc chuông, đúc búa, đúc tượng, đúc súng, đúc kính, đúc tiền.

Theo sách vở, phương pháp của người Tàu rèn đúc thường qua năm giai đoạn:

- tạo hình mẫu
- dùng hình mẫu chế tạo khuôn
- nấu chảy hợp kim, đổ vào khuôn
- đợi cho kim loại đông đặc, lấy ra khỏi khuôn
- chạm khắc hay tu sửa mặt ngoài

Các loại hợp kim pha trộn thông thường bao gồm sắt, đồng, thiếc, vàng, bạc. Theo tài liệu ngày nay, thép là sắt có chứa từ 0.1 đến 1.8% carbon, dưới 0.06% là sắt non mềm dễ uốn nhưng không cứng và không đàn hồi, và trên 1.8% là gang, tuy cứng nhưng giòn, dễ vỡ. Ở Âu Châu, thời kỳ đồ sắt bắt đầu từ khoảng 1300 trước Công Nguyên nhưng ở Trung Hoa dường như sắt chỉ thịnh hành vào khoảng thế kỷ thứ VII trước TL. Trong Tả Truyện có viết, năm Chiêu Công 29 (tức Tây lịch 513 trước Thiên Chúa) Triệu Ưởng, Tuân Dàn nước Tấn dẫn quân xây thành đóng bên sông Nhữ, xin được cấp cho một khối sắt (cổ thiết), dùng lò đúc sắt (chú giới đỉnh) để rèn đúc khí giới. Đây là chi tiết đầu tiên có trong sách vở về việc đúc sắt. Sắt nếu chứa ít carbon (sắt và thép), chỉ cần nung đỏ lên đã có thể dùng búa đập, rèn thành hình. Nếu như có nhiều carbon (gang), lại cần phải nấu chảy thành chất lỏng mới đúc được.

¹⁷ Một giả thuyết khác cũng được nhiều học giả đặt ra là có thể người Trung Hoa biết đến sắt thép do việc học hỏi từ các dân tộc ở Đông Nam Á châu chứ không phải tự họ tìm ra vì tại đất ngày nay là Thái Lan người ta đã dùng các vật liệu bằng sắt từ thế kỷ thứ XVII trước T.L. (Joseph J. Thorndike, Jr. *Mysteries Of The Past*, American Heritage Publishing Co. NY 1977 tr. 192)

¹⁸ Robert Temple, *The Genius of China, 3000 years of Science, Discovery and Invention*, 1991 tr. 44

Các nhà khảo cổ đều cho rằng trước khi tiến đến trình độ đúc gang, nhân loại phải qua giai đoạn rèn sắt (nung đỏ rồi đập cho thành hình). Theo những di chỉ thời Chiến Quốc khai quật được, cho tới thời kỳ này người ta chưa đúc được gang nên mới chỉ đến giai đoạn rèn sắt mà thôi. Tuy nhiên, khi khai quật một số khí vật bằng sắt ở Hưng Long, tỉnh Hà Nam, người ta lại đi đến kết luận là việc đúc sắt có thể có trước, vì thừa kế được kỹ thuật đúc đồng và làm đồ gốm, và kỹ thuật rèn sắt lại phát triển sau. Nhiều học giả lại cho rằng cả hai kỹ thuật đó đi song song với nhau, chứ kỹ thuật nọ không phải là cha đẻ của kỹ thuật kia. Phương bắc phát triển phương pháp rèn sắt, trong khi phương nam lại phát triển kỹ thuật đúc đồng, đúc sắt.¹⁹

Qua đời Hán, người Tàu nghĩ ra ống bễ đôi (double-acting single-cylinder piston-bellows), có thể quạt liên tục nên nhiệt độ cao hơn loại bễ có từ thời Chiến Quốc và đã pha trộn nhiều loại kim khí khác nhau để gia tăng độ cứng và độ dẻo của kim loại. Họ cũng biết khai thác quặng mỏ nên sản xuất được nhiều và biết cách hàn hai loại thép cứng và mềm với nhau để làm lưỡi kiếm hay các loại vũ khí, mặc dù nhiều học giả cho rằng phát kiến này có thể bắt nguồn từ khu vực Trung Á, sau truyền sang cả Đông và Tây.²⁰

Việc dùng các khuôn để đúc hàng loạt những dụng cụ, khí giới mà những nhà khảo cổ tìm được tại Sơn Tây và Thiểm Tây, nhất là tại kinh đô nước Yên gần Bắc Kinh, phối hợp với việc rèn thép đã khiến cho đồ sắt trở nên thông dụng, và khí giới bằng thép đã vượt trội các loại khí giới bằng đồng. Trong khi đó, phải tới thời Trung Cổ, người Âu châu mới biết đúc sắt, và việc luyện thép còn sau hơn nhiều. Trung Hoa lại cũng là quốc gia nâng việc đúc sắt lên hàng kỹ nghệ, nghĩa là vừa bỏ công để thực hiện những cơ sở có tầm vóc lại tập trung công tác này trong tay triều đình và ấn định tiêu chuẩn các loại đồ sắt. Việc sản xuất qui mô đó đóng góp đáng kể vào việc phát triển kinh tế cũng như binh bị. Đời Hán, triều đình đã độc quyền sản xuất và phân phối hai món hàng chính là đồ sắt và muối, ngoài thuế má đánh trên nông phẩm để có đủ chi phí cho guồng máy hành chính và quân sự.

Vào thế kỷ thứ II trước Tây Lịch, đã có ít nhất là 46 xưởng đúc sắt “*quốc doanh*” trên toàn nước Tàu, và người ta đã tìm ra những khối quặng còn sót lại nặng đến 25-30 tấn, một trọng lượng mà phải đến thế kỷ thứ XVIII Âu Châu mới đạt tới. Các loại binh khí, cày cuốc, liềm ... đều có tiêu chuẩn nhất định. Họ cũng chế tạo những lưỡi cày bằng thép, gắn trên cán gỗ và chế ra những loại máy vừa khoan lỗ, gieo hạt thay vì phải gieo lúa bằng tay, một kỹ thuật mà sau này Âu Châu phải bắt chước. Phương pháp thổi hơi nóng qua các khối thép lỏng để tinh luyện kim loại cũng là một kỹ thuật phức tạp mà người Tàu sử dụng từ 20 thế kỷ trước đây tương tự như những lò luyện kim của Henry Bessemer hồi thế kỷ thứ XIX.²¹ Kỹ thuật đúc ngày càng trở nên qui mô và phức tạp.

Về phương pháp rèn sắt, người ta nung nóng cục sắt lên rồi dùng búa đập cho thành hình thù vật mong muốn. Theo sử sách, ngay từ trước công nguyên, người Tàu đã tìm ra được cách tạo nên những lưỡi đao, lưỡi kiếm rất cứng nhưng cũng bền chắc để không bị gãy khi chiến đấu. Việc pha trộn sắt và carbon, cũng như thay đổi nhiệt độ để đúc kiếm là một công phu hết sức phức tạp. Mọi loại kim khí đều cấu tạo bởi những tinh thể giao kết với nhau, và bố cục của những tinh thể này có ảnh hưởng đến cơ năng của kim loại. Nếu rèn nhiều quá, tuy sắt có cứng hơn nhưng lại dễ gãy, tương tự như chúng ta bẻ một sợi dây thép bằng cách bẻ qua, bẻ lại nhiều lần. Vì thế việc đúc kiếm, người thợ phải đo lường được tiến trình rèn sắt, không ít quá – vì sắt chưa đủ cứng, nhưng nếu rèn quá lâu, sắt trở thành giòn. Hoặc cũng có phương pháp “*quán cương*” nghĩa là dùng thép non ghép chung với thép già để thành một khí cụ cứng nhưng vẫn dẻo.

Nhiều học giả cũng đi đến kết luận là người Tàu cũng là dân tộc đầu tiên biết rút carbon từ gang ra để có được thép. Trễ lắm là thế kỷ thứ II trước TL, họ đã biết nguyên tắc này và cũng nhờ đó mà sau này vào thế kỷ XIX,

¹⁹ Tống Ứng Tinh, *Thiên Công Khai Vật*, tr. 124-5

²⁰ *The Cambridge Encyclopedia of China*, tr. 447-8

²¹ John Merson, *The Genius That Was China*, 1990 tr. 21-22

Henry Bessemer đã theo để luyện kim.²² Việc loại trừ được carbon trong thép và gang đã được áp dụng để có sắt non dùng trong việc xây cầu và đúc ống dẫn nước. Họ biết cách thổi hơi qua sắt nóng chảy mặc dù không biết rằng họ đã làm công việc khử carbon (decarburization) mà họ gọi là bách luyện.²³ Phương pháp thứ hai dùng để luyện kim là trộn hai loại sắt non và gang để thành thép cũng đã được họ thực hiện từ thế kỷ thứ V sau TL. Nhiều sách vở đã đề cập đến phương thức này một cách kỹ càng và gần đây, tại xưởng chế tạo thép ở Corby bên Anh, người ta đã thử nghiệm lại và thành công mỹ mãn.

Theo những nhà nghiên cứu, ngoài những phương pháp thông thường, ba phương pháp tương đối cầu kỳ hơn đã được áp dụng để chế tạo một thanh kiếm tốt.

1. Phương pháp thông dụng nhất là sau khi rèn xong, người ta nung lên một nhiệt độ thấp rồi cho nguội từ từ. Kiếm loại này tuy không cứng lắm nhưng dẻo và thường được dùng để đánh những loại kiếm nặng, hay đao, có lưỡi khá lớn. Tại Ấn Độ và Trung Đông, người ta rèn chung hai loại thép, một loại nhiều carbon (cứng nhưng giòn) với loại ít carbon (mềm nhưng dẻo). Người Trung Hoa và người Nhật thì tiến hơn một bậc, họ chỉ dùng loại thép cứng làm lưỡi kiếm hàn liền với một thân kiếm bằng sắt, giống như kỹ thuật hiện nay dùng những đầu tungsten-carbide gắn vào những cạnh của lưỡi cưa. Kỹ thuật này được sử dụng nhiều nhất trong cách chế tạo vũ khí ở Trung Hoa. Lẽ dĩ nhiên, bên cạnh kỹ thuật nối kết, cổ nhân còn nhiều phương pháp để chọn lựa chất liệu, phân loại giá trị hầu đạt mục tiêu. Đó là chưa kể những kỹ thuật riêng nhằm loại trừ những chất cặn nằm trong khối quặng và những tạp liệu bám vào thanh sắt. Thông thường người ta đổ nước lên mặt đe để khi đặt cục sắt nóng lên trước khi rèn, nước sẽ bốc hơi thật nhanh cuốn theo những vẩn bụi trên thanh thép. Nhiều kỹ thuật khác, hoặc được phóng đại, hoặc dấu diếm nên không lộ ra ngoài, và theo thời gian cũng thất truyền.

2. Kỹ thuật thứ hai là sử dụng đất sét để bao phần sống kiếm, chỉ để lộ phần lưỡi kiếm khi tôi thép, ngõ hầu đạt được độ cứng cần thiết cho phần lưỡi nhưng sống kiếm vẫn dẻo dai. Tôi kiếm bằng loại dung dịch gì, độ nóng thế nào cũng là một bí quyết mà người ta giữ kín.

Thanh kiếm thường được rèn thành một thanh sắt dài và được đập hay kéo ra cho dài khoảng gấp đôi dự liệu. Sau đó người ta cắt ra làm hai, nung lên rồi để chồng lên nhau, đập cho dính lại, cứ kéo dài ra rồi lại cắt đôi, ép lại, thanh kiếm trở thành một thỏi sắt có hàng trăm lớp chồng lên nhau,²⁴ người Tàu gọi là thiên truy bách luyện (rèn ngàn lần, nung trăm lần). Nhờ đó độ cứng và độ dẻo cao hơn, chẳng khác gì những sợi dây cáp (cable) làm bằng nhiều sợi nhỏ tết lại. Mỗi lần gấp lại người ta lại phải tính toán nhiệt độ nung và tôi khác nhau, và sức đập khác nhau tùy theo ước tính và kinh nghiệm của nghệ nhân. Như thế đủ biết kỹ thuật rèn kiếm hết sức phức tạp và mỗi thanh kiếm là một công trình nghệ thuật to lớn. Tuy nhiên, việc ép thành từng lớp này chỉ đến một giới hạn nào đó là phải ngừng lại vì sắt sẽ trở nên giòn, hay mất đi carbon khiến độ cứng không còn như cũ. Việc rèn hai thanh sắt với nhau đòi hỏi mặt đe phải phẳng và sạch, để không bị sót lại những túi không khí, hay những hạt than bần nằm giữa các thớ sắt. Theo những chuyên gia, thường thì người ta phải làm công việc này – kéo dài ra, cắt đôi rồi đập ráp lại – khoảng 15 lần mới tạo được một lưỡi kiếm tốt. Ngoài ra còn phải nung nóng và loại trừ những tạp kim cho thanh kiếm được thuần khiết. Có khi thay vì ráp hai thanh sắt từ cùng một loại thép, người ta lại dùng hai thanh thép có độ cứng khác nhau để khi hoàn thành, có những sọc dọc chạy dài theo lưỡi, phân biệt hai loại thép, tạo nên một đặc điểm riêng thêm giá trị cho món vũ khí. Những người sành coi kiếm chỉ cần nhìn nước thép, cấu trúc của lưỡi kiếm là có thể định được tài nghệ của người rèn kiếm.

3. Phương pháp thứ ba là đúc một thanh kiếm mà cái lõi bằng sắt non, nhưng vỏ bao bên ngoài là thép già. Đôi khi người thợ ráp nhiều loại thép có độ cứng khác nhau, từ mũi kiếm, lưỡi kiếm, sống kiếm phần kiếm gần tay

²² Theo sử sách Bessemer đã học cách của William Kelly, mà ông này lại học cách làm thép từ 4 chuyên gia Trung Hoa đến Kentucky năm 1845 để trình bày phương pháp cổ truyền của họ.

²³ Robert Temple, sđd tr. 50

²⁴ Nếu gấp lại 20 lần như của người Nhật thì con số lớp sắt chồng lên nhau lên đến hơn 1 triệu (2 lũy thừa 20)

cầm và chuôi kiếm, để đáp ứng được vai trò và công năng của từng phần. Kỹ thuật này khó hơn cả đòi hỏi một tài nghệ cao. Làm thế nào để dán được một lớp mỏng trên phần sống kiếm, trong khi lưỡi kiếm vẫn dày chắc là một công việc tỉ mỉ và tinh vi. Nhiều người còn cho rằng muốn cho hai thứ kim loại khác nhau gắn liền được, có khi phải đổ máu mới thành. Huyền thoại đó được Kim Dung miêu tả khi Minh giáo nổi lại thanh bảo đao bị gãy:

Chàng (Trương Vô Kỵ) còn đang trầm ngâm, Chương Kỳ Sứ của Nhuệ Kim Kỳ là Ngô Kinh Thảo tiến lên nói:

- *Khải bẩm giáo chủ, thuộc hạ vốn xuất thân thợ rèn, đã từng học qua phép đánh đao đánh kiếm, để thuộc hạ làm thử, biết đâu không nổi lại được bảo đao, bảo kiếm như cũ.*

Dương Tiêu vui mừng đáp lời:

- *Thuật rèn kiếm của Ngô kỳ sứ thiên hạ vô song, xin giáo chủ để y thử xem sao.*

Trương Vô Kỵ gạt đầu:

- *Hai loại lợi khí này bị gãy quả thực đáng tiếc. Ngô kỳ sứ nếu nổi lại được thì còn gì bằng.*

Ngô Kinh Thảo quay sang nói với Liệt Hỏa Kỳ Sứ Tân Nhiên:

- *Rèn đao rèn kiếm, cốt nhất là ở sức lửa, nhờ Tân huynh giúp cho một tay. Xem tình cảnh này, quân Thát Đát nhất thời chưa đánh lên núi, hai anh em ta làm ngay được chăng?*

Tân Nhiên cười đáp:

- *Cái gì chứ nhóm củi, đốt lửa thì vốn là nghề của huynh đệ.*

Lập tức hai người chỉ huy thuộc hạ, đắp ngay một cái lò lớn, miệng lò rộng không đầy một thước. Ngô Kinh Thảo lấy mảnh mũi đao Đồ Long xếp vào, chỗ gãy ngay tại miệng lò. Nhiên liệu của Liệt Hỏa Kỳ đã sẵn sàng, chẳng mấy chốc lửa đã bùng bùng bốc lên. Ngô Kinh Thảo tay phải đã đứt, chỉ còn lại một cánh tay trái. Bên cạnh y để hơn một chục loại bình khí khác nhau, mắt chăm chăm, mỗi khi thấy lửa biến màu, lại đem một món binh khí ném vào để xem sức nóng. Đợi đến khi lửa từ xanh biến thành trắng, tay trái mới cầm kìm, kẹp mảnh thanh đao Đồ Long còn lại chắp vào đầu bên kia để nung. Nửa thân trên y để trần, đóm lửa bắn tung tóe lên người nhưng dường như không cảm giác, vẫn hết tâm để vào việc. Trương Vô Kỵ nghĩ thầm: “Rèn đao kiếm tuy là việc nhỏ, nhưng cũng phải học tập nhiều, bản lãnh lắm mới làm được. Nếu như loại thợ rèn tầm thường, chỉ chịu nóng không cũng không nổi”.

Bỗng nhiên lịch kịch mấy tiếng, hai tên giáo chúng kéo bễ ngã lăn xuống đất, bất tỉnh nhân sự. Tân Nhiên và Liệt Hỏa Kỳ Chương Kỳ Phó Sứ lập tức xông lên, gạt hai tên đó sang một bên, tự tay kéo bễ thổi lửa. Hai người nội lực không phải là yếu nên vừa sử kình quạt lò, lửa đã bốc lên, ngọn cao cả trượng, cảnh tượng thật là đẹp mắt.

Độ tàn nửa nén hương, Ngô Kinh Thảo bỗng kêu lên: “Ồi chà”, tung mình nhảy vọt về phía sau, mặt đầy vẻ thất vọng. Mọi người ai nấy kinh hãi, nhìn lại trong tay y, thấy cái kìm đã bị nóng chảy, méo mó không còn hình thù gì, còn thanh đao Đồ Long vẫn không suy suyển. Ngô Kinh Thảo lắc đầu:

- *Thuộc hạ vô năng, thanh đao Đồ Long này quả thực danh bất hư truyền!*

Tân Nhiên và Chương Kỳ Phó Sứ tạm ngưng thổi bễ, đứng lui sang một bên. Hai người áo quần ướt đẫm mồ hôi, tưởng như vừa ở dưới nước trèo lên. Triệu Mẫn bỗng nói:

- *Vô kỵ ca ca, có phải Thánh Hỏa Lệnh đao Đồ Long chặt không đứt phải không?*

Trương Vô Kỵ đáp:

- *Ừ, đúng vậy!*

Trong sáu thanh Thánh Hỏa Lệnh, một thanh đã giao cho Thuyết Bất Đắc cầm xuống núi để điều binh, nay chỉ còn năm. Chàng lấy trong bọc ra, giao cho Ngô Kinh Thảo:

- Dao kiếm không hàn lại được, cũng chẳng quan hệ gì. Thánh Hỏa Lệnh là vật chí bảo của bản giáo, không thể để cho hư hỏng.

Ngô Kinh Thảo cúi mình tiếp lấy, đáp: “Xin vâng lệnh!”. Y thấy năm thanh Thánh Hỏa Lệnh không phải sắt, cũng chẳng phải vàng, cứng rắn vô cùng, nặng trình trịch, nên cúi đầu suy nghĩ.

Trương Vô Kỵ nói:

- Nếu thấy không ổn thì cũng đừng mạo hiểm làm gì.

Ngô Kinh Thảo không trả lời, một hồi sau mới tỉnh giấc trầm tư, đáp:

- Thuộc hạ quả là không phải, xin giáo chủ thứ tội. Thánh Hỏa Lệnh này vốn là bạch kim trộn với huyền thiết và cát kim cương đúc thành, lửa nóng không làm chảy nổi. Thuộc hạ quả thật hồ nghi, không biết khi xưa làm sao đúc được, cho nên suy nghĩ nhất thời như mất cả hồn vía.

Triệu Mẫn liếc Trương Vô Kỵ một cái, nhướn miệng cười:

- Sau này giáo chủ sẽ có dịp sang Ba Tư để gặp một nhân vật thật là quan trọng, lúc đó người có thể đi theo, hỏi các thợ đúc cao thủ của họ xem làm cách nào.

Trương Vô Kỵ ngượng nghịu nói:

- Ta sang Ba Tư để làm gì?

Triệu Mẫn mỉm cười:

- Chuyện đó không nói ra được.

Lại quay sang Ngô Kinh Thảo:

- Người xem, trên Thánh Hỏa Lệnh còn có khắc hoa văn và chữ. Dù có sắc bén như đao Đò Long hay kiếm Ý Thiên cũng không làm suy yếu được, thì những đường nét, văn tự ấy làm sao đục thành?

Ngô Kinh Thảo đáp:

- Muốn khắc hoa văn, văn tự không có gì khó. Chỉ cần dùng sáp trắng phủ lên trên Thánh Hỏa Lệnh, trên sáp khắc hình vẽ chữ, sau đó đem ngâm trong cường toan, chỉ vài tháng sau sẽ ăn mòn. Sau đó đem ra cạo hết sáp đi, các hình và chữ sẽ hiện ra. Điều tiểu nhân không hiểu là làm sao nung cho chảy được.

Tân Nhiên kêu lên:

- Thế thì có định làm không đây?

Ngô Kinh Thảo hướng về phía Trương Vô Kỵ:

- Giáo chủ đừng ngại. Liệt hỏa của Tân huynh đệ tuy ghê gớm thật, nhưng không tổn hại được Thánh Hỏa Lệnh đâu.

Tân Nhiên trong lòng hơi sợ, vội nói:

- Tôi chỉ hết sức thổi lửa, nếu như làm hỏng Thánh vật của bản giáo, thì không chịu tội đâu nhé.

Ngô Kinh Thảo mỉm cười:

- Chỉ sợ người không đủ nhẫn nại, có gì ta chịu hết.

Nói rồi lấy hai miếng Thánh Hỏa Lệnh kẹp một nửa thanh đao, sau đó dùng một chiếc kìm mới kẹp lấy Thánh Hỏa Lệnh đưa bảo đao vào trong lò nung lần nữa. Lửa mỗi lúc một bốc lên cao, nung đến hơn nửa giờ, chỉ thấy

Ngô Kinh Thảo, Tân Nhiên, Liệt Hỏa Kỳ phó sứ ba người thấp thoáng trong ánh lửa, mỗi lúc một thêm uể oải, xem chừng không còn chịu nổi.

Thiết Quan đạo nhân Trương Trung liếc mắt ra hiệu cho Chu Điền, phát tay một cái, hai người cùng xông lên nhảy vào thay cho Tân Nhiên và Liệt Hỏa Kỳ phó sứ, ra sức kéo bễ. Trương Chu hai người nội lực so với những người kia cao hơn nhiều, lửa trong lò bốc vút lên thẳng một làn trắng xóa.

Ngô Kinh Thảo bỗng đứng quát lớn:

- Cố huynh đệ, ra tay đi.

Chưởng kỳ phó sứ Nhuệ Kim Kỳ tay cầm dao nhọn, chạy tới bên lò, chỉ thấy lấp lánh, đã giơ dao đâm thẳng vào ngực Ngô Kinh Thảo. Quân hùng đứng chung quanh không khỏi thất sắc, đều lớn tiếng kêu la. Máu từ trên bộ ngực trần của Ngô Kinh Thảo phun ra tung tóe trên thanh đao Đồ Long, gập nóng lập tức bốc lên một làn khói xanh khét lẹt. Ngô Kinh Thảo la lớn:

- Thành rồi.

Y lui lại mấy bước, ngòi phích xuống đất, tay cầm một thanh đao đen sì. Quả thực hai mảnh của đao Đồ Long đã liền lại thành một. Mọi người bấy giờ mới biết, mỗi khi những người thợ đúc đao rèn kiếm không thành, phải nhỏ máu vào. Thời xưa, vợ chồng Can Tương, Mạc Tà thậm chí phải nhảy vào lò, mới đúc thành vô thượng lợi kiếm. Việc Ngô Kinh Thảo làm chính là theo phong cách của những người xưa truyền lại.

Trương Vô Kỳ vội đỡ Ngô Kinh Thảo lên, xem xét vết thương, thấy dao đâm không sâu, chẳng có gì đáng lo ngại. Chàng lấy kim sang rắc vào, dùng vải buộc lại, nói:

- Ngô huynh việc gì phải làm như thế. Đao này nói lại được hay không, không phải là quan trọng, đâu đáng để Ngô huynh phải chịu khổ đến vậy.

Ngô Kinh Thảo đáp:

- Vết thương nhỏ ngoài da thịt, có đáng gì để giáo chủ phải lo lắng.

Y đứng dậy, cầm thanh đao Đồ long lên xem, thấy liền lạc không dấu vết, chỉ lờ mờ một làn máu nhỏ, không khỏi mười phần đắc ý. Trương Vô Kỳ xem lại hai thanh Thánh Hỏa Lệnh mới nung trong lò thấy không suy tổn mấy may, yên chí tiếp lấy thanh đao Đồ Long, chém xuống hai lưỡi mâu chàng vừa cướp được của lính Mông Cổ, chỉ nghe một tiếng soẹt nhỏ, hai món vũ khí đứt ra làm đôi, đúng là chặt sắt như bùn.²⁵

Phép tôi sắt (thôi hay kiện) là sau khi rèn xong, kim loại chưa cứng hẳn người thợ nhúng vào nước hay dầu để cho thép cứng hơn. Tuy nhiên, nhiều khi phải để cho nhiệt độ hạ từ từ vì nếu hạ quá nhanh, thanh thép sẽ cứng nhưng giòn. Trong khi phương pháp đúc kiếm có thể bị người khác bắt chước, phương pháp tôi thép lại được giữ rất kín như một kỹ thuật bí truyền. Tôi bằng dung dịch gì, độ nóng ra sao, cách thức thế nào là những bí mật mà tượng nhân không tiết lộ. Vì thế, họ ít cho ai xem cách họ tôi thép như thế nào và việc tò mò tìm biết là một cấm kỵ, nhất là đối với những thợ rèn Nhật Bản.

Đúc kiếm không phải chỉ là một kỹ thuật mà còn được coi là một nghi lễ, nên không hiếm những truyện thần kỳ về những thanh bảo kiếm. Người ta kể rằng Can Tương khi đúc được hai thanh bảo kiếm, một âm một dương, chỉ đem dâng lên Ngô Vương thanh âm kiếm, giấu đi thanh dương kiếm. Khi bị truy nã, thanh dương kiếm biến thành một con rồng xanh đưa Can Tương bay mất. Nhiều thanh kiếm khi rút ra lại phải uống máu người mới

²⁵ Kim Dung, *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*, tập 4, tr. 1601- 4 (bản dịch Nguyễn Duy Chính)

cho trở vào bao đượ. Người thợ rèn lại phải trai tịnh, kiêng cữ rượu và chuyện phòng the, cầu đảo khi đúc những thanh bảo kiếm hay binh khí quý mà người ta cho rằng trở thành thần vật. Tuy nhiên, không có sách vở nào chép về kỹ thuật luyện kim và đúc đồng, sắt một cách chi tiết từ thế kỷ thứ X trở về trước nên chúng ta không rõ người xưa đã làm thế nào.

Quả thực khi đọc lại một số tài liệu về thuật rèn kiếm, chúng ta phải đồng ý với Jon B. Eklund là “*người ta không phải chỉ coi đây là một món vũ khí tùy thân mà là một biểu tượng của nhiều quan niệm văn hóa và triết lý được thực hiện một cách công phu và kỹ lưỡng trong nhiều mức độ khác nhau của bàn tay con người*”.²⁶

²⁶ Jon B. Eklund, *From the Artisan's Hand, The Smithsonian Book of Invention*, 1978 tr. 78

KẾT LUẬN

Nhiều học giả đã đặt câu hỏi tại sao người Trung Hoa lại biết đúc sắt sớm như thế. Một số yếu tố được đưa ra làm giả thuyết cho sự phát triển này. Thứ nhất, nước Tàu có những loại đất sét tốt dùng làm vách cho những lò luyện kim. Người Tàu lại biết cách đưa độ nóng chảy của quặng sắt xuống thấp để việc đúc được thuận tiện hơn. Họ cho vào lò chất gọi là “đất đen”, chứa nhiều photphát sắt (iron phosphate, một loại hợp chất màu vàng khoa học gọi là lân toan thiết). Nếu cho vào khoảng 6% lân tinh (phosphorus) vào hỗn hợp sắt, độ nóng chảy của sắt thay vì là 1130° C sẽ chỉ còn là 950° C. Kỹ thuật này được áp dụng cho tới tận thế kỷ thứ VI sau TL, cho tới khi họ đã tìm được cách làm nóng chảy sắt mà không phải pha chất lân tinh. Than đá cũng được sử dụng từ lâu, vào khoảng thế kỷ thứ IV sau Công Nguyên hay trước nữa. Việc luyện kim trước đây do một số giòng họ bí truyền, nhưng tới đời Hán (119 BC) tất cả đều bị xung công và biến thành những cơ quan độc quyền của triều đình. Chính sự phát triển trong ngành luyện kim đã đưa đến những tiến bộ trong nông nghiệp, việc sử dụng lưỡi cày một cách rộng rãi hơn và phát minh thêm nhiều nông cụ khác. Ngoài các loại búa, dao, đục, cưa người ta còn tìm thấy những nồi và cả những tượng bằng sắt trong những mộ đời Hán. Từ kỹ thuật đúc sắt, người Tàu lại biết cách khai thác muối và khí đốt.²⁷

Tuy các dân tộc Ngô Việt vùng duyên hải có một nền văn minh sớm hơn những khu vực ở sâu trong lục địa nhưng cũng sớm tàn lụi, cái tàn lụi thường có sau một thời bình trị. Việt diệt Ngô rồi sau lại bị Sở diệt. Sở là một quốc gia ở vùng Ba Thục, hiếu chiến, luôn luôn dòm ngó trung nguyên. Chính vì thế, những bảo kiếm, đồng kiếm của Ngô Việt đều nằm trong các cỗ mộ của Sở chứ không phải tại bản quốc, có lẽ là chiến lợi phẩm mà các vương tôn nước Sở tịch thu khi xâm chiếm hai nước này và rất được ưa chuộng nên chôn theo trong mộ mình. Có ngôi tìm thấy được hơn ba mươi thanh kiếm.

Sterling Seagrave, một tác giả khá nổi tiếng chuyên về Trung Hoa, đã khẳng định rằng những người thuộc các bộ tộc Việt miền nam sông Dương Tử, từ thời Tân Hán về sau đã là nạn nhân của nhiều vụ xâm lăng có tính diệt chủng của người Tàu phương Bắc, phương Tây và nhiều cuộc di cư qui mô đã đưa những người dân thảo vát, thông minh nhưng hiếu hòa này xuống vùng Đông Nam Á, kể cả Đài Loan, Philippines tạo thành một tầng lớp thương nhân có sức mạnh kinh tế vô cùng to lớn.

Ở nước ta, truyền thuyết về bảo đao bảo kiếm ít người nói tới. Những bảo kiếm trong lịch sử Việt Nam phần lớn không nói tới sự sắc bén mà nói tới giá trị pháp lý, tượng trưng cho một triều đại hay uy quyền. Thượng Phương bảo kiếm là kiếm mà nhà vua thường ban cho đại thần cái quyền tiền trạm hậu tấu (giết người trước rồi tâu vua sau, như một ủy thác toàn quyền hành động không giới hạn) khi thống lĩnh binh đội đi dẹp giặc. Thanh kiếm của triều Nguyễn có chuôi nạm ngọc, lưỡi bằng thép, vỏ kiếm có khắc “Khải Định niên chế” và “Trọng Kim Tứ Lượng Thất Ngũ Phân” (trọng lượng 4 lượng 7 chỉ 5 phân). Thanh kiếm này cùng với ấn của triều Nguyễn được trao lại cho chính quyền Việt Minh năm 1945 khi vua Bảo Đại thoái vị. Về sau người Pháp lại tìm thấy và trả lại cho Cựu Hoàng. Hiện nay không biết ở đâu, nhưng nhiều người cho rằng do Thái Tử Bảo Long thủ quản.²⁸

Kiếm của ta cũng khác của Tàu. Trong khi kiếm Trung Hoa là loại hai lưỡi, kiếm của Việt Nam lại giống như một con dao dài, một bên là lưỡi, một bên là sống, đầu hơi cong lên, và thường được gọi là gươm hay quất. Gươm chủ yếu để chém trong khi kiếm lại dùng để đâm. Khi sử dụng làm vũ khí, nếu dùng một thanh kiếm thì gọi là đơn kiếm, nếu sử dụng hai tay hai thanh kiếm thì gọi là song kiếm. Nhiều môn phái của Trung Hoa có những đường kiếm nổi danh, hoặc luyện tập cá nhân hay dùng trong trận thế. Hiện nay trên núi Võ Đương người ta vẫn còn tập những bài kiếm trận. Trong dân gian kiếm thường chỉ được dùng như một cánh tay nổi dài chẳng hạn như trong bài Thái Cực Kiếm.

²⁷ Robert Temple, sđd. tr. 42-43

²⁸ Lê Văn Lân, *Chiếc Bảo Ấn cuối cùng của Hoàng Đế Việt Nam*, tr. 18-26

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bottomley I & A P Hopson. Arms and Armor of the Samurai; The History of Weaponry in Ancient Japan. NY: Crescent Books, 1996
 2. Cotterell, Arthur. China: A Cultural History. Mentor Book, 1988
 3. Dương Hoàng. Văn Minh Địch Quĩ Tích, Vol. I. Hongkong: Trung Hoa Thư Cục, 1988
 4. Dương Kim Đình. Trung quốc văn hóa sử đại từ điển (in lần thứ ba). Đài Loan: Viễn Lư, 1990
 5. Ebery, Patricia Buckley. Cambridge Illustrated History: China. Cambridge University Press, 1996
 6. Eklund, Jon B., From the Artisan's Hand, The Smithsonian Book of Invention. Smithsonian Institution 1978
 7. Gernet, Jacques. A History of Chinese Civilization (do J.R. Foster dịch từ nguyên tác Le Monde Chinois). Cambridge University Press, 1986
 8. Hoàn Hoa Bách Khoa Toàn Thư (Pan-Chinese Encyclopedia) Đài Bắc, 1982
 9. Hook, Brian (ed.) The Cambridge Encyclopedia of China. (2nd Ed.) Cambridge University Press, 1991
 10. Kim Dung. Ý Thiên Đồ Long Ký (1-4) Hongkong: Minh Hà Xã, 1978
 11. Lê Văn Lân. Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam. California: Làng Magazine, 1998
 12. Lu Hsun. Selected Stories of Lu Hsun. Bắc Kinh: Ngoại Văn Xuất Bản Xã, 1978
 13. Merson, John. The Genius That Was China. NY: The Overlook Press, 1990
 14. Seagrave, Sterling. Lords of the Rim. NY: G.P. Putnam's Sons, 1995
 15. Temple, Robert. The Genius of China, 3000 years of Science, Discovery and Invention. London: Prion Books Limited, 1991
 16. Thorndike, Joseph J., Jr. Mysteries Of The Past. NY: American Heritage Publishing Co., 1977
 17. Tống, Ứng Tinh. Thiên Công Khai Vật (Sái Nhân Hiên tuyển) Đài Bắc: Thời Báo, 1983
 18. Trương Tác Huy (chủ biên) Trung Quốc Lịch Sử Từ Điển. Bắc Kinh: Văn Hóa, 1991
 19. Trung Hoa Nhi Đồng Bách Khoa Toàn Thư (vol. 8) Đài Loan: Bộ Giáo Dục, 1983
 20. Trung Quốc Thế Giới Đệ Nhất. Thiểm Tây: Nhân Dân, 1988
-